TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/ 2020 /HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2020
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Bà Dương Thị Diễm Sương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 437/2019/TLST-HN ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/ 2020/QĐST-HN ngày 12 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1978; Trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Dương Quang Đ, sinh năm 1982; Trú tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà C có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C trình bày:

Về hôn nhân: trước đây bà và ông Đ có quen biết và tìm hiểu với nhau, đến năm 2015 ông bà được sự đồng ý của hai bên gia đình rồi đi đến hôn nhân và đã đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau ông bà sống với nhau khá hạnh phúc nhưng không có con chung. Trong thời gian chung sống bà và ông Đ không có tạo lập được khối tài sản nào cũng như không có nợ chung. Vào khoảng đầu năm 2018 thì ông bà xuất hiện sự bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn gia đình, thường xuyên cãi vả với nhau dẫn đên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Ông bà đã cố gắn dàn xếp để mong hàn gắn quan hệ nhưng không kết quả trái lại mâu thuẫn trầm trọng hơn.

Nay bà thấy tình cảm với ông Đ không còn nên xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Ông Dương Quang Đ vắng mặt nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Xin ly hôn"* theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã T, huyện , tỉnh Bến Tre ngày 28/10/2019 xác nhận ông Dương Quang Đ hiện đang sinh sống và có mặt tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bà Phạm Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C là phù hợp.

Ông Dương Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đông là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị Kim C và ông Dương Quang Đ kết hôn vào năm 2016, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C, bà C cho rằng: Vợ chồng bà mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả với nhau dẫn đến tình cảm hai bên rạn nứt, cả hai đã cố gắn dàn xếp để mong hàn gắn quan hệ nhưng không có kết quả trái lại mâu thuẫn trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà C vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gì về việc bà C xin ly hôn, chứng

tỏ ông Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông bà là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa bà C và ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà C là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Bà C trình bày không có nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Bà C trình bày không có nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Bà C trình bày không có nên không xem xét.

[7] *Án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Kim C.

Bà Phạm Thị Kim C được ly hôn với ông Dương Quang Đ.

2. *Về con chung*: Bà C trình bày không có nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Bà C trình bày không có nên không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà C trình bày không có nên không xem xét.

5. *Án phí*: Bà Phạm Thị Kim C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007720 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND Bến Tre (01b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);*
- *UBND xã T (số 75, ngày 17/10/2016);*
- *Đương sự (02b);*
- *Lưu HS, VP (03b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên